

Bản án số: 08/2023/LĐ-PT
Ngày: 17 tháng 5 năm 2023
V/v: Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Cao Xuân Long

Ông Đặng Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2022/QĐ-PT ngày 29/12/2022, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 05/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-PT ngày 17/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 17/02/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐ-PT ngày 17/3/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N.T.T.B, sinh năm 1971; Địa chỉ: 19 lô Q đường L.T.V, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T.N.H.T và/hoặc ông N.T.L; Địa chỉ: 427/3 N.A.N, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng. (Ông T có mặt, ông L vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ.T.H, sinh năm 1995 – Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV hãng luật T.T.C.T1. (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH ABL VN (viết tắt là Công ty ABL), nguyên là Công ty TNHH A VN; Địa chỉ trụ sở: Phòng 550 lầu 5 Tòa nhà P số 8 đường H.D, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông N.V.H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 50/16A đường H.V.T2, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

Bà P.T.P.L1, sinh năm 1970; Địa chỉ: 10/14 đường K.V.C, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH ABL VN: Luật sư T.T.H2, sinh năm 1973 – Công ty Luật TNHH MTV A.V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Sở LĐTB tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ trụ sở: khu Trung tâm hành chính thành phố Bà Rịa, số 11 đường T.C, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P.Q.V - Giám đốc TTDV tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

+ BHXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ trụ sở: số 200 đường B.Đ, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H.T.C; Chức vụ: Phó Giám đốc BHXH thành phố Vũng Tàu. (Có mặt).

+ BHXH thành phố Vũng Tàu; Địa chỉ trụ sở: số 401 đường T.C.Đ, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H.T.C, sinh năm 1969; Chức vụ: Phó Giám đốc BHXH thành phố Vũng Tàu. (Có mặt).

- Người làm chứng: Bà B.T.K.O, sinh năm 1981 – Kế toán Công ty TNHH ABL VN. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH ABL VN là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N.T.T.B và người đại diện hợp pháp của bà B trình bày: Ngày 24/12/2014, bà Bình ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) không xác định thời hạn số PSU/030-2014/CF/pta, chức vụ: Kế toán trưởng (nghĩa tiếng anh là Chief accountant) và chức danh chuyên môn: Kế toán (accountant) với Công ty TNHH Braemar Technical Service (Offshore) Việt Nam (tiền thân của Công ty TNHH AVN) và hiện nay đổi tên thành Công ty TNHH ABL VN. Tại hợp đồng thỏa thuận mức lương là 2,050.00USD/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà B luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, bản thân chưa vi phạm kỷ luật và bị xử lý.

Ngày 12/6/2020, bà B bất ngờ nhận được Quyết định “chấm dứt hợp đồng lao động” số 019/QĐ-AB Vietnam đề ngày 12/6/2020. Theo đó, lý do để Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà B là:

+ Căn cứ vào khoản 3, Điều 36 Bộ luật Lao động 2012: Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

+ Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 20/5/2020 giữa Ban Giám đốc Công ty ABL với người lao động.

Ngày 19/6/2020, bà B nhận được Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam đề ngày 19/6/2020 về việc “sửa đổi, bổ sung quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020” của Công ty ABL. Tại Điều 2 của Quyết định số 020 nêu rõ: bà B sẽ được hưởng lương và các chế độ theo Hợp đồng lao động đến hết ngày 27/7/2020. Quyết định số 019/QĐ-AB Vietnam 12/6/2020 được xem là thông báo chấm dứt HĐLĐ với bà B.

Ngày 10/12/2020, bà B gửi đơn khiếu nại tới Công ty ABL về việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà B.

Ngày 25/12/2020, bà B nhận được Công văn trả lời số 0044-2020/CV-AB Vietnam về việc trả lời đơn khiếu nại của bà N.T.T.B. Công văn trả lời có nêu: không chấp nhận khiếu nại của bà B. Lý do Công ty ABL đưa ra là: Ngày 20/5/2020, Công ty ABL đã tổ chức cuộc họp với nội dung xem xét, thảo luận về tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và khối lượng công việc đang làm. Cuộc họp đã đi đến thống nhất là do tình hình kinh tế khó khăn nên phải giảm nhân lực. Tham gia cuộc họp có thành phần Ban Giám đốc và bà N.T.T.B. Công ty ABL căn cứ vào biên bản này cho rằng đây là “sự thống nhất” để chấm dứt hợp đồng lao động giữa bà B và Công ty ABL. Tuy nhiên, đây chỉ là cuộc họp thông thường, người chủ trì cuộc họp là ông Raymond H-thời điểm đó ông Raymond chưa được bổ nhiệm làm Giám đốc tại Việt Nam (Giám đốc thời điểm đó vẫn là ông N.V.H), cuộc họp do ông R chủ trì và nêu quan điểm cá nhân chung chung. Hơn nữa cần phải xem xét giấy phép lao động của ông R khi làm việc tại Công ty ABL. Bản thân bà B không biết và cũng không có thỏa thuận với Công ty ABL sẽ cắt giảm vị trí kế toán trưởng đối với bà B. Công ty ABL viện có “do tình hình dịch bệnh, giá dầu sụt giảm dẫn đến thu hẹp sản xuất, giảm việc làm buộc phải cắt giảm lao động”. Tuy nhiên, thực tế Công ty ABL tiếp tục tuyển thêm 2 nhân sự nữa sau khi ra quyết định chấm dứt HĐLĐ đối với bà B, tăng lương cho Giám đốc. Bà B được biết thời điểm đó Công ty ABL vẫn ký nhiều hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện nhiều hợp đồng lớn với doanh thu cao.

Ngoài ra, Công ty ABL còn căn cứ vào khoản 3 Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật Lao động 2012 để chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà B trong khi thực tế bản thân bà B chưa hề ký bất cứ thỏa thuận chấm dứt nào với Công ty ABL. Công ty ABL cũng chưa lập phương án cắt giảm nguồn nhân lực, chưa xây dựng phương án sử dụng lao động trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cty cũng không báo trước cho bà B một khoảng thời gian theo quy định của pháp luật để bà B có thể tìm việc khác hoặc chuẩn bị tâm lý cho việc bà B có thể bị mất việc làm.

Như vậy, Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với bà B trái pháp luật vi phạm vào Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012. Bà B chỉ đồng ý với điểm 2, trang số 3 trong công văn phúc đáp số 0044-2020 của Công ty về việc không đồng ý tiếp nhận bà B trở lại làm việc.

Mức lương làm cơ sở yêu cầu Công ty ABL bồi thường cho bà B: Tại hợp đồng thỏa thuận mức lương là 2,050.00USD/tháng và vào thời điểm Công ty ABL chấm dứt HĐLĐ thì mức lương thực tế bà B nhận là 2,560.00USD/tháng. Tuy nhiên, theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động số 030/-2014 ngày 24/12/2014, tại Điều 3 trang số 2 thì:

“chế độ nâng lương là: hàng năm”. Đồng thời, tại trang số 2 của Thư tiếp nhận mời làm việc ngày 08/8/2014, Công ty ABL thỏa thuận việc tăng lương sẽ diễn ra vào tháng 01 hàng năm. Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của bà B hàng năm và vào mức tăng lương của vị trí kế toán tại Công ty ABL năm 2021 là 49%, do đó bà B đã tự tính mức lương tăng của bà B từ 2,560.00USD/tháng (2020) lên 3,815.00USD/tháng (bắt đầu từ tháng 01/2021). Đối với mức lương 3,815.00USD/tháng, chưa có quyết định tăng lương từ Công ty ABL và bà B thực tế chưa được nhận mức lương này.

Từ những cơ sở trên, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

1. Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 và Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 của Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN.

2. Yêu cầu Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN thanh toán toàn bộ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN của những ngày bà B không được làm việc kể từ ngày 27/7/2020 đến ngày Tòa án xét xử, cụ thể như sau:

2.1. Về tiền lương: 1.986.287.650 đồng, gồm:

Tiền lương từ 27-7-2020 đến ngày 31-12-2020 (05 tháng), theo mức lương 2.560USD/tháng (tỷ giá quy đổi là 23,290 đồng/USD x 2.560USD = 59.345.920 đồng) là: 298.112.000 đồng.

Tiền lương từ ngày 01-01-2021 đến tháng 7-2022 (19 tháng), theo mức lương 3.815USD/tháng (tỷ giá quy đổi là 23,290 đồng/USD x 3.815USD = 88.851.350 đồng) là: 1.688.175.650 đồng.

2.2. Về tiền Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế: 148.871.000 đồng, gồm: Từ ngày 27-7-2020 đến ngày 31-12-2020 (05 tháng) trên số tiền 32.000.000 đồng/tháng, tỷ lệ đóng 20.5% là 32.800.000 đồng; Từ ngày 01-01-2021 đến tháng 7-2022 (19 tháng) trên số tiền 29.800.000 đồng/tháng, tỷ lệ đóng 20.5% là 116.071.000 đồng.

2.3. Về tiền Bảo hiểm thất nghiệp: 19.753.061 đồng, gồm: Từ ngày 27-7-2020 đến ngày 31-12-2020 (05 tháng) trên số tiền 59.481.600 đồng/tháng, tỷ lệ đóng 1.0% là 2.974.080 đồng; Từ ngày 01-01-2021 đến tháng 7-2022 (19 tháng) trên số tiền 88.244.765 đồng/tháng, tỷ lệ đóng 1.0% là 16.778.981 đồng.

2.4. Về tiền thưởng hàng năm: 178.090.867 đồng, gồm: Từ ngày 01-01-2020 đến ngày 31-12-2020 (12 tháng) là 59.622.400 đồng; Từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2021 (12 tháng) là 88.851.350 đồng; Từ ngày 01-01-2022 đến ngày 30-4-2022 (04 tháng) là 29.617.117 đồng.

2.5. Phép năm: 187.984.705 đồng, bao gồm: Từ ngày 27-7-2020 đến ngày 31-12-2020 (05 tháng x 25 ngày phép/năm = 10.5 ngày) trên số tiền lương 59.622.400 đồng là 28.456.145 đồng; Từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2021 (25 ngày phép) trên số tiền lương 88.851.350 đồng là 100.967.443 đồng; Từ ngày 01-01-2022 đến tháng 7-2022 (07 tháng x 25 ngày phép/năm = 14.5 ngày) trên số tiền lương 88.851.350 đồng là 58.561.117 đồng.

2.6. Trợ cấp thôi việc 03 tháng thử việc trên số tiền lương 88.851.350 đồng là 44.425.675 đồng.

2.7. Bồi thường chấm dứt hợp đồng là 07 tháng trên số tiền lương 88.851.350 đồng là 621.959.450 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà B yêu cầu Công ty TNHH ABL VN bồi thường cho bà B khi chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật là: 3.187.372.408 đồng.

* Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH ABL VN trình bày: Ngày 24/12/2014, bà Bình ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) không xác định thời hạn số PSU/030-2014/CF/pta, chức vụ: Kế toán trưởng với Công ty TNHH B (Offshore) VN (tiền thân của Công ty TNHH AVN) và hiện nay đổi tên thành Công ty TNHH ABL VN. Vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng lao động ngày 12/6/2020, bà B giữ chức danh Kế toán trưởng và mức lương thực tế bà B nhận là 2,560.00USD/tháng.

Ngày 12/6/2020, Công ty ban hành Quyết định số 019/QĐ-AB Vietnam về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà B và quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Ngày 19/6/2020, Công ty ban hành Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam sửa đổi, bổ sung quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam nêu trên; Tại Quyết định số 020, bổ sung nội dung: bà B tiếp tục được hưởng lương và các chế độ theo HĐLĐ số PSU/030-2014 ngày 24/12/2014 đến hết ngày 27/7/2020 (45 ngày kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ 12/6/2020); Quyết định số 019/QĐ-AB Vietnam về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà B thay cho thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà B.

Căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động với bà B:

- Do tình hình kinh tế của Công ty ABL liên tục sụt giảm từ 2018 đến hết 2020, cụ thể:

TT	Nội dung	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	45,126,346,295	39,892,157,710	26,596,168,207
	Biến động		(5,234,188,585)	(13,295,989,503)
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8,167,823,633	3,065,457,322	908,586,702
	Biến động		(5,102,366,311)	(2,156,870,620)

- Vì lý do bất khả kháng do tình hình suy thoái kinh tế và dịch bệnh dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty ABL liên tục sụt giảm nghiêm trọng (như bảng trên) buộc Công ty ABL phải cắt giảm chi phí quản lý.

- Thời điểm tháng 5/2020, phòng kế toán có 02 chức danh gồm: kế toán trưởng (chief Account) là bà B và kế toán viên (accountant). Ngày 20/5/2020, Công ty đã tổ chức họp với nội dung xem xét, thảo luận về tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và khối lượng công việc đang làm. Cuộc họp đã đi đến thống nhất là do tình hình kinh tế khó khăn, số lượng lớn người trực tiếp tham gia sản xuất giảm đáng kể, hợp đồng kinh tế không được ký kết nên phải tìm biện pháp khắc phục. Tất cả những người tham dự đều thống nhất rằng với tình hình công việc hiện tại cũng như tình hình suy thoái chung vẫn đang tiếp diễn thì chỉ cần duy trì một nhân viên kế toán (accountant) là đủ cho công việc của Công ty. Tham gia cuộc họp có thành phần Ban giám đốc và bà

N.T.T.B - nguyên đơn - nguyên là kế toán trưởng của Công ty. Như vậy, chính bà B cũng đã biết về việc Công ty sẽ chỉ còn 01 chức danh kế toán viên (accountant).

- Căn cứ pháp lý để Công ty chấm dứt HĐLĐ với bà B là vì lý do kinh tế theo khoản 10 Điều 36 và lý do bất khả kháng (dịch bệnh) theo khoản c Điều 38 Bộ luật Lao động; được hướng dẫn tại khoản 2.a Điều 12 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP. Hơn nữa lý do chấm dứt HĐLĐ thể hiện tại Điều 1 Quyết định số 019 và Quyết định 020 là: “được nêu tại Biên bản làm việc ngày 20-5-2020”.

Đối với giấy phép lao động của ông R: Thời điểm tham gia cuộc họp ngày 20-5-2020, ông R là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH IVN nên ông R là người được miễn giấy phép lao động tại Việt Nam; giữa ông Raymond và Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN có ký hợp đồng lao động với nhau. Hơn nữa, ông R được ông N.C.H1 ủy quyền điều hành mọi hoạt động kinh doanh, nhân sự của Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN nên việc ông R tham gia cuộc họp ngày 20-5-2020 là đúng. Tại cuộc họp, có thông báo cho ông Hoan đại diện theo pháp luật của Công ty và sau đó ông H1 cũng đã ký vào biên bản họp thể hiện ý chí của người sử dụng lao động là đồng ý với nội dung cuộc họp.

Thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với bà B, công ty chỉ chấm dứt một mình bà B nên không thuộc trường hợp nhiều người như phía bà B trình bày vì theo qui định tại khoản 2, 3 Điều 44 Bộ luật Lao động thì trường hợp chấm dứt nhiều người mới phải thông báo với công đoàn cơ sở. Trường hợp phía Công ty ABL thêm nhân sự là do có sự sáp nhập 02 công ty là Công ty ABL và công ty TNHH IVN Nhân sự tuyển thêm là người lao động của Công ty sáp nhập.

Vì vậy, việc Công ty ABL chấm dứt HĐLĐ với bà B là đúng qui định pháp luật nên yêu cầu đòi bồi thường của bà B theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động là không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu nhận trợ cấp thôi việc 03 tháng thử việc: Nếu theo qui định doanh nghiệp phải nộp thì sẽ đồng ý trả bà B khoản tiền này. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

* BHXH thành phố Vũng Tàu trình bày: Công ty ABL thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà B từ tháng 01-2015 đến tháng 7-2020. Từ tháng 8-2020, công ty ABL báo giảm trường hợp của bà B. Quá trình tham gia bảo hiểm đến thời điểm bà B nghỉ việc, bà B không hưởng chế độ gì, chỉ khi đã nghỉ việc thì bà B hưởng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01-10-2020 theo quyết định số 18256 của Sở LĐTBXH là: 22.100.000đ/tháng x 05 tháng = 110.500.000 đồng. Đối với biến động người tham gia bảo hiểm xã hội của công ty ABL kể từ tháng 01-2019 đến hết tháng 3-2022 phía Bảo hiểm xã hội đã cung cấp cho Tòa. Phía BHXH thành phố Vũng Tàu xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* BHXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Đối với trường hợp bà N.T.T.B, BHXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà B theo Quyết định của Sở LĐTBXH tỉnh BR-VT cụ thể 02 lần:

Lần 1: Chi trả số tiền từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 (05 tháng) với số tiền 22.100.000đ/tháng. Tổng số tiền là 110.500.000 đồng theo Quyết định số 18256/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/10/2020.

Lần 2: Chi trả số tiền từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 (tổng 03 tháng) với số tiền 13.260.000đ/tháng. Tổng số tiền là 39.780.000 đồng theo Quyết định số 13698/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/10/2021.

Như vậy tổng 02 lần, BHXH tỉnh BR-VT đã chi trả tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà B là 150.280.000 đồng.

Đối với việc chi trả tiền bảo hiểm thất nghiệp, phía BHXH tỉnh BR-VT thực hiện chi trả theo Quyết định của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh BR-VT. BHXH tỉnh BR-VT không liên quan đến vụ án này nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án vì bà B và Công ty ABL tham gia bảo hiểm tại BHXH thành phố Vũng Tàu. Đề nghị Tòa án không đưa BHXH tỉnh BR-VT tham gia tố tụng.

* Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Theo thủ tục, bà B nộp thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp tại TTDVVL làm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Trung tâm DVVL làm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm thủ tục trình Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định hưởng tiền trợ cấp thất nghiệp. Đối với hồ sơ của bà B thì Sở căn cứ vào Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 của Công ty TNHH AVN, nguyên là Công ty TNHH AVN và sổ bảo hiểm xã hội được cơ quan BHXH chốt để làm cơ sở. Trường hợp của bà B, Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 18256/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/10/2020 về việc giải quyết số tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà B từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 (05 tháng) với số tiền 22.100.000đ/tháng, tổng số tiền là 110.500.000 đồng. Sau khi ban hành quyết định, Sở sẽ chuyển quyết định qua BHXH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và BH Tỉnh sẽ chuyển về BH thành phố Vũng Tàu để thực hiện việc chi trả. Do Sở là cơ quan ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp nên Sở là cơ quan ban hành quyết định thu hồi và số tiền thu hồi sẽ hoàn trả về BHXH thành phố Vũng Tàu.

Liên quan đến Công ty ABL thì Sở ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp lần 1 theo quyết định số 18256/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/10/2020. Về thủ tục để ban hành Quyết định số 18256/QĐ-SLĐTBXH ngày 01/10/2020 là đúng qui định và trong vụ án không có đương sự nào có ý kiến về quyết định này. Tuy nhiên khi giải quyết vụ án này, có liên quan đến số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp mà bà B đã được nhận, Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến số tiền trợ cấp thất nghiệp trong vụ án này. Sau này có bản án, quyết định của Tòa có hủy hay không hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 và quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 của công ty ABL, thì Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ căn cứ vào kết quả của bản án để thực hiện thủ tục theo qui định.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/LĐST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.T.B đối với bị đơn Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN về: Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 và Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 của Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN.

Buộc Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN có trách nhiệm trả và bồi thường cho bà N.T.T.B tổng số tiền 1.192.448.000đ, gồm: tiền lương trong những ngày bà B không được làm việc (18 tháng) là 1.073.203.200 đồng và 02 tháng lương là 119.244.800 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN nhận lại sổ bảo hiểm từ bà B, đối chiếu sổ, thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chốt sổ bảo hiểm xã hội từ tháng 8-2020 đến tháng 7-2022 (trừ giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 8-2021) và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà N.T.T.B theo qui định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T.B về việc yêu cầu Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN trả số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là 148.871.000 đồng và tiền bảo hiểm thất nghiệp là 19.753.061 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T.B về việc yêu cầu Công ty TNHH ABL VN, nguyên là Công ty TNHH AVN trả tiền phép năm 187.984.705 đồng; tiền thưởng 178.090.867 đồng và tiền trợ cấp thôi việc đối với 03 tháng thử việc là 44.425.675 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 10/8/2022 Công ty TNHH ABL VN kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), nguyên đơn đồng ý. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Công nhận Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN và công nhận Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN.

- Công ty TNHH ABL VN đồng ý trả cho bà N.T.T.B số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

- Án phí: Các bên chịu theo quy định.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

[1.1] Công nhận Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN và công nhận Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN.

[1.2] Công ty TNHH ABL VN đồng ý trả cho bà N.T.T.B số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

[1.3] Án phí: Các bên chịu theo quy định.

[2] Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Từ nhận định trên, sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH ABL VN phải chịu trên số tiền 650.000.000 đồng trả cho bà N.T.T.B là 17.000.000 đồng.

[5] Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH ABL VN phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2022/LĐST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1. Công nhận Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN và công nhận Quyết định số 020/QĐ-AB Vietnam ngày 19/6/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 019/QĐ-AB Vietnam ngày 12/6/2020 của Giám đốc Công ty TNHH AVN.

2. Công ty TNHH ABL VN có nghĩa vụ trả cho bà N.T.T.B số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH ABL VN phải chịu 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

5. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH ABL VN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo

biên lai thu số 0003021 ngày 12/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- TAND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tâm